

Bản án số: 1809/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/12/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Võ Thị Mai

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư –Thư ký Toà án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1195/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2022 về “tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/2022/QĐXXST-HN ngày 25 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2022/QĐST-HN ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tuyết T, sinh năm 1998; Địa chỉ: số 520/56 đường X, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Trần Nhất P, sinh năm 1991; Địa chỉ: 80/113/77 đường Q, Phường Y, quận G, TP. H.

(Bà T có đơn xin xử vắng mặt, Ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết T trình bày:

Bà và ông Trần Nhất P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2016, tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố B, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2016, ngày 26 tháng 09 năm 2016. Vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là không hòa hợp về tính tình, quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Bà và ông P đã không còn chung sống với nhau từ tháng 2 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Khánh M, sinh ngày 18/11/2015.

Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không đến Tòa, không nộp bản ghi ý kiến và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ, hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu như trên. Ông P vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp :

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Về người tham gia tố tụng: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt biên bản cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng :*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Trần Nhất P có địa chỉ cư trú tại 80/113/77 đường Q, Phường Y, quận G, TP. H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận G theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết

định hoãn phiên tòa theo qui định tại các Điều 171, 173, 175, 176, 177 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông P vắng mặt, bà T do bận công việc nên có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông P theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà T và ông P chung sống từ năm 2016 có đăng ký kết hôn theo đúng quy định nên hôn nhân của bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T trình bày, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn là do không hòa hợp về tính tình và cách sống, mâu thuẫn về kinh tế. Hai bên cũng đã ngồi lại tìm phương án tự giải quyết nhưng không có kết quả. Từ tháng 2 năm 2019 đến nay, cả hai đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai nên bà T yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Gò Vấp có nội dung : “...Ông P và bà T trước đây sinh sống tại địa chỉ 80/113/77 đường Q, Phường Y, quận G, TP. H. Nhưng hiện nay hai người đã sống ly thân. Bà T hiện đang sống tại thành phố B, tỉnh Đ. Vợ chồng có 01 con chung, hiện con chung đang sống với bà T”.

Theo lời khai của bà T và kết quả xác minh nêu trên thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, hiện cả hai không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, trước đây bà T cũng nộp đơn tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P nhưng nhằm tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn nên bà đã rút đơn và Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, cả hai không có sự quan tâm chia sẻ gắn bó lẫn nhau. Bản thân ông P không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ ông P cũng không còn quan tâm đến hôn nhân vợ chồng. Vì vậy yêu cầu của bà T được ly hôn với ông P là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Ngọc Khánh M, sinh ngày 18/11/2015. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông P đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Gò Vấp có nội dung : “...con chung hiện đang sống với bà T”. Do đó, việc giao trẻ Trần Ngọc Khánh M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, tâm sinh lý của bé gái nên có cơ sở để Tòa án chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông P đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn)

đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0049010 ngày 02 tháng 8 năm 2022. Bà T đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết T.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Tuyết T được ly hôn với ông Trần Nhất P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2016, ngày 26 tháng 9 năm 2016 do Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố B, tỉnh Đ cấp hết hiệu lực kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Nguyễn Tuyết T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là trẻ Trần Ngọc Khánh M, sinh ngày 18/11/2015 đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông P đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Tuyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Tuyết T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0049010 ngày 02 tháng 8 năm 2022. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo

qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân q. GV;
- Chi cục Thi hành án dân sự q. GV;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương